

THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN THỂ LỰC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Phùng Hoài Nam⁽¹⁾
Nguyễn Cẩm Ninh⁽²⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 24/03/2025

Ngày phản biện: 13/04/2025

Ngày đăng: 29/05/2025

Tác giả liên hệ:

Phùng Hoài Nam

Email:

phunghoainamm@gmail.com

Tóm tắt:

Bằng các phương pháp nghiên cứu thường dùng trong lĩnh vực TDDT, chúng tôi tiến hành đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác phát triển thể lực cho sinh viên Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội, gồm: Chương trình giáo dục thể chất; Đội ngũ cán bộ, giảng viên; Cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ tập luyện; Hoạt động tập luyện ngoại khóa; Ý thức của sinh viên. Đây là những cơ sở khoa học cần thiết để lựa chọn giải pháp phát triển thể lực cho sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội.

Từ khoá: Yếu tố ảnh hưởng, thể lực, Đại học Giáo dục.

Current status of factors affecting physical development of students at the University of Education - National University

Phung Hoai Nam⁽¹⁾
Nguyen Cam Ninh⁽²⁾

Article Information:

Received: 24/03/2025

Review date: 13/04/2025

Published: 29/05/2025

Corresponding Author:

Phung Hoai Nam

Email:

phunghoainamm@gmail.com

Summary:

Using conventional research methods, the current status of factors affecting physical development of students at the University of Education - National University was assessed, including: Physical education program; Staff, lecturers; Facilities, playgrounds, training equipment; Extracurricular training activities; Student awareness. These are the necessary scientific bases for choosing solutions to develop physical strength for first - year students at the University of Education - National University , Hanoi.

Keywords: Factors, physical strength, University of Education, Vietnam National.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQG HN) là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng trong giai đoạn hội nhập, cung cấp năng lực cạnh tranh toàn cầu cho người học. Hàng năm có hàng nghìn sinh viên tốt nghiệp ra trường. Để đáp ứng được những

nhu cầu của xã hội và các yêu cầu nghề nghiệp về chất lượng thì người lao động không những cần giỏi, vững về chuyên môn mà còn đòi hỏi ở họ phải có thể lực tốt để đáp ứng được cường độ công việc cao trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Trong những năm qua, công tác giáo dục thể chất (GDTC) của Nhà trường đã được Ban

⁽¹⁾ThS, Đại học Quốc gia Hà Nội

⁽²⁾PGS.TS, Trường Đại học TDDT Bắc Ninh

Giám hiệu quan tâm về mọi mặt, chính điều đó là động lực thúc đẩy chất lượng giảng dạy, học tập môn GDTC của trường không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, qua thực tế giảng dạy cho thấy kết quả học tập môn GDTC của sinh viên không đồng đều, thể lực của sinh viên còn nhiều hạn chế. Sinh viên năm thứ nhất mới chuyển tiếp từ bậc học THPT lên Đại học thường chưa làm quen với phương pháp giảng dạy ở bậc học mới và chưa quan tâm tới vấn đề nâng cao thể lực. Những vấn đề nêu trên cho thấy cần phải nghiên cứu tìm hiểu về thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác phát triển thể lực của sinh viên, làm cơ sở điều chỉnh và đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao thể lực cho sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn toạ đàm; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp thực nghiệm; Phương pháp toán học thống kê.

Khách thể nghiên cứu gồm 30 chuyên gia, cán bộ quản lý, các giảng viên GDTC và 950

sinh viên của Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG Hà Nội.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến công tác phát triển thể lực cho sinh viên Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN

Chúng tôi đã tổng hợp từ các nguồn tài liệu khác nhau được 6 yếu tố ảnh hưởng đến công tác phát triển thể lực của sinh viên. Trên cơ sở đó, tiến hành phỏng vấn 30 chuyên gia, cán bộ quản lý và các giảng viên GDTC trong và ngoài ĐHQG HN. Cách trả lời cụ thể theo 3 mức: Rất ảnh hưởng: 3 điểm; Ảnh hưởng: 2 điểm; Ít ảnh hưởng: 1 điểm, với quy ước sẽ lựa chọn những yếu tố đạt từ 80% tổng điểm trở lên. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1 cho thấy, theo nguyên tắc phỏng vấn đặt ra, có 5/6 yếu tố ảnh hưởng đến công tác phát triển thể lực cho sinh viên Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN, đó là các yếu tố: 1, 2, 3, 4, 5.

2. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác phát triển thể lực của sinh viên Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN

Bảng 1. Xác định yếu tố ảnh hưởng đến công tác phát triển thể lực của sinh viên Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN (n=30)

TT	Các yếu tố ảnh hưởng	Kết quả phỏng vấn							
		Rất ảnh hưởng		Ảnh hưởng		Ít ảnh hưởng		Tổng điểm	% so với tối đa
		m _i	đ	m _i	đ	m _i	đ		
1.	Chương trình GDTC	19	57	10	20	1	1	78.00	86.67
2.	Đội ngũ giảng viên GDTC	17	51	11	22	2	2	75.00	83.33
3.	Cơ sở vật chất, sân bãi tập luyện TDTT	22	66	8	16	0	0	82.00	91.11
4.	Hoạt động tập luyện TDTT ngoại khóa	21	63	7	14	2	2	79.00	87.78
5.	Ý thức của sinh viên đối với công tác GDTC	24	72	6	12	0	0	84.00	93.33
6.	Kết quả học tập môn học GDTC và thể lực của sinh viên	14	42	11	22	5	5	69.00	76.67

Bảng 2. Chương trình GDTC chính khoá dành cho sinh viên ĐHQG HN

Mã số	Học phần môn học	Cấp độ	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ		
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học
I. Học phần môn học bắt buộc						
PES 1003	Giáo dục thể chất cơ bản	1	1	4	26	20
II. Học phần môn học tự chọn						
PES 1005	Thể dục Aerobic 1	1	1	4	26	20
PES1015	Bóng chuyền 1*	1	1	4	26	20
PES1016	Bóng chuyền 2*	2	1	0	30	20
PES1020	Bóng rổ 1*	1	1	4	26	20
PES1021	Bóng rổ 2*	2	1	0	30	20
PES1025	Bóng đá 1*	1	1	4	26	20
PES1026	Bóng đá 2*	2	1	0	30	20
PES1030	Bóng bàn 1*	1	1	4	26	20
PES1031	Bóng bàn 2*	2	1	0	30	20
PES1035	Cầu lông 1*	1	1	4	26	20
PES1036	Cầu lông 2*	2	1	0	30	20
PES1040	Quần vợt 1*	1	1	4	26	20
PES1041	Quần vợt 2*	2	1	0	30	20
PES1045	Khiêu vũ - Chachacha	1	1	4	26	20
PES1065	Điện kinh 1	1	1	4	26	20
PES1070	Thể dục đồng diễn	1	1	4	26	20
PES1075	Bóng chuyền hơi 1*	1	1	4	26	20
PES1076	Bóng chuyền hơi 2*	2	1	0	30	20
PES1080	Zumba dance	1	1	4	26	20
PES1085	Khiêu vũ - Line dance 1	1	1	4	26	20
PES1090	Golf 1*	1	1	4	26	20
PES1091	Golf 2*	2	1	0	30	20
PES1095	Trò chơi dân gian 1	1	1	4	26	20
PES1100	Đá cầu 1	1	1	4	26	20
PES1105	Võ thuật tự vệ 1	1	1	4	26	20
PES1106	Võ thuật tự vệ 2	2	1	0	30	20
PES1110	Võ cổ truyền 1	1	1	4	26	20
PES1111	Võ cổ truyền 2	2	1	0	30	20
PES1115	Đua thuyền	1	1	4	26	20
PES1120	Bắn cung	1	1	4	26	20
PES1125	Khiêu vũ - Disco	1	1	4	26	20

Ghi chú: Những mã học phần môn học có gắn sao là những học phần môn học dành riêng cho chương trình tại cơ sở Hòa Lạc, những học phần môn học không gắn sao là những học phần môn học lựa chọn từ đề cương dành cho chương trình học phần GDTC cơ bản nhưng vẫn phù hợp với điều kiện của cơ sở Hòa Lạc.



Công tác phát triển thể lực cho sinh viên được Ban Giám hiệu quan tâm về mọi mặt, đó là động lực thúc đẩy chất lượng giảng dạy, học tập môn GDTC của Nhà trường

2.1. Chương trình GDTC của Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN

Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN, là một trong 6 thành viên của ĐHQG HN. Công tác GDTC của Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN do Trung tâm GDTC và ĐHQG HN chịu trách nhiệm. Chương trình GDTC chính khoá dành cho sinh viên ĐHQG HN theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm 4 tín chỉ trong 2 năm học đầu, với quy định mỗi tín chỉ gồm 30 tiết (chưa tính số tiết tự học).

Việc tổ chức học tập GDTC cho sinh viên Trường Đại học Giáo dục được tiến hành tại cơ sở Hoà Lạc của ĐHQG HN theo phương án: Sinh viên hoàn thiện 02 tín chỉ GDTC trong 1 kỳ học. Mỗi tín chỉ kéo dài trong 6 tuần, mỗi tuần 1 buổi học tương đương 5 tiết học thực tế. Nội dung phân phối các môn học cụ thể:

- Một kỳ học sẽ bao gồm học phần bắt buộc (PES 1003, Giáo dục Thể chất cơ bản) và một

học phần tự chọn bất kỳ ở cấp độ 1; 2

- Một kỳ học sinh viên sẽ được lựa chọn học 1 môn học với 2 cấp độ (cụ thể trong bảng 2).

Như vậy, sinh viên có thể hoàn thành chương trình học phần GDTC (bao gồm 4 tín chỉ) trong năm thứ nhất tại Hoà Lạc. Bên cạnh đó, sinh viên được tham gia học tập theo tính chất kế thừa 2 cấp độ, tận dụng tối đa ưu điểm của hình thức tổ chức giảng dạy theo mô hình câu lạc bộ đội, nhóm.

2.2. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy GDTC của Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG Hà Nội

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy GDTC của Trường Đại học Giáo dục là toàn bộ giảng viên của Trung tâm GDTC và Thể thao ĐHQG HN. Thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC của Trung tâm GDTC và ĐHQG HN được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. Thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC của Trung tâm GDTC và Thể thao ĐHQG Hà Nội

	Tổng số giảng viên	Số giáo viên nữ	Tỷ lệ giảng viên/sinh viên	Thâm niên công tác		Trình độ đào tạo			Tuổi đời		
				Trên 10 năm	Dưới 10 năm	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Trên 40	30 đến 40	Dưới 30
Số lượng	31	12	1/39	23	8	6	24	1	17	9	5
Tỷ lệ %	100.00	38.70		74.20	25.80	19.35	77.41	3.22	54.84	29.03	16.13

Từ kết quả thu được ở bảng 3 cho thấy, hầu hết các giảng viên của Trung tâm đều có trình độ từ Thạc sĩ trở lên, duy nhất có một giảng viên có trình độ Đại học và đang theo học chương trình đào tạo Thạc sĩ. Đặc biệt, Trung tâm có 06 Tiến sĩ Giáo dục học (chiếm tỷ lệ 19.35%), đây là lực lượng chuyên gia, các nhà khoa học nòng cốt của Trung tâm. Nhìn chung tuổi đời của đội ngũ giảng viên cơ bản còn khá trẻ, đây là một tiềm năng đóng góp to lớn cho việc thực hiện các nhiệm vụ GDTC trong Nhà trường.

Bảng 4. Thực trạng cơ sở vật chất, sân bãi phục vụ công tác GDTC của Trung tâm GDTC và Thể thao ĐHQG Hà Nội

TT	CSVC, sân bãi TDTT	Số lượng	Chất lượng	Mức độ đáp ứng
1	Nhà đa năng	1	Tốt	Đáp ứng tốt
2	Bàn bóng bàn	4	Tốt	Đáp ứng tốt
3	Sân bóng chuyền	2	Tốt	Đáp ứng tốt
4	Sân cầu lông	2	Tốt	Đáp ứng tốt
5	Sân bóng rổ	2	Tốt	Đáp ứng tốt
6	Sân tập Golf	1	Tốt	Đáp ứng tốt

2.4. Thực trạng hoạt động tập luyện TDTT ngoại khóa của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN

Chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng việc hoạt động thể thao ngoại khóa của 950 sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN thông qua hình thức phỏng vấn bằng phiếu hỏi. Kết quả thu được trình bày ở bảng 5.

Bảng 5 cho thấy: Sinh viên năm thứ nhất của Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN tham gia tập ngoại khóa chiếm tỷ lệ thấp (29.15%), đa số sinh viên tự tập và tham gia tập luyện từ 1 đến 2 buổi trong một tuần. Các sinh viên tham gia tập luyện ngoại khóa chủ yếu là để nâng cao thể lực, trình độ môn thể thao (44.40%) và tăng cường sức khoẻ (28.16%). Địa điểm sinh viên tiến hành tập luyện ngoại khóa ở các Trung tâm thể thao, các CLB chiếm tỉ lệ cao hơn cả (36.82%) và hiệu quả tập luyện ngoại khóa của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Giáo dục được đánh giá chưa cao.

2.5. Thực trạng ý thức của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN đối với công tác GDTC

2.3. Cơ sở vật chất, sân bãi tập luyện TDTT của sinh viên Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN

Công tác GDTC của Trường Đại học Giáo dục ĐHQG HN do Trung tâm GDTC và Thể thao ĐHQG HN đảm nhiệm. Theo kết quả khảo sát, cơ sở vật chất và sân bãi TDTT của Trung tâm đáp ứng tốt yêu cầu công tác GDTC cho sinh viên (bảng 4).

Để đánh giá được thực trạng ý thức của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sinh viên qua phiếu hỏi, với các nội dung và cấp độ như sau: Thích học môn GDTC (Rất thích - Thích - Không thích); Hiểu vai trò tác dụng của GDTC (Rất hiểu - Hiểu - Chưa hiểu); Tham gia học tập đầy đủ (Rất đầy đủ - Đầy đủ - Không đầy đủ); Cố gắng trong học tập môn GDTC (Rất cố gắng - Cố gắng - Không cố gắng); Ý thức tự tập luyện (Rất ý thức - Ý thức - Chưa ý thức). Các ý kiến được cho điểm theo 3 mức: Mức 1- 3 điểm; Mức 2 - 2 điểm; Mức 3 - 1 điểm. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 6.

Qua bảng 6 cho thấy, còn nhiều sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN chưa thích môn học GDTC (60,63% mức tối đa) và chưa hiểu hết về vai trò tác dụng của GDTC đối với sinh viên (70.59% mức tối đa). Việc tham gia học tập GDTC vẫn còn có sinh viên chưa tham gia đầy đủ (78.03 % mức tối đa). Chưa cố gắng trong học tập môn GDTC (75.40% mức tối đa). Bên cạnh đó, ý thức tự tập luyện ngoại khóa của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN còn chưa cao (67.65% so với mức tối đa).

**Bảng 5. Thực trạng tập luyện TDTT ngoại khoá của sinh viên năm thứ nhất
Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG Hà Nội (n = 950)**

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn	
		m_i	Tỉ lệ %
1.	Số sinh viên tập luyện TDTT ngoại khoá		
	- Thường xuyên	25	2.63
	- Thỉnh thoảng	252	26.52
	- Không tập	673	70.84
2.	Hình thức tập luyện ngoại khoá:		
	- Có người hướng dẫn.	64	23.10
	- Tự tập.	213	76.90
3.	Số buổi tập luyện ngoại khoá trong tuần:		
	- 1 buổi.	87	31.41
	- 2 buổi.	165	59.57
	- 3 buổi.	16	5.78
	- Trên 3 buổi.	9	3.25
4.	Lý do tham gia tập luyện ngoại khoá:		
	- Để nâng cao thể lực, trình độ môn thể thao	123	44.40
	- Do yêu cầu môn học	45	16.25
	- Tăng cường sức khỏe.	78	28.16
	- Do thời gian rỗi nhiều.	17	6.14
	- Do sự tác động của bạn bè.	14	5.05
5.	Môn thể thao thường xuyên tập luyện:		
	- Các nội dung của môn điền kinh.	29	10.47
	- Các môn thể dục.	78	28.16
	- Các nội dung trong môn bơi lội	21	7.58
	- Các môn bóng.	115	41.52
	- Các môn võ.	34	12.27
6.	Địa điểm thường tập luyện:		
	- Các trung tâm thể thao, các CLB.	102	36.82
	- Tại nhà, nơi ở	97	35.02
	- Công viên, nơi công cộng.	78	28.16
7.	Hiệu quả đạt được ở môn thể thao do tập luyện ngoại khoá (tự đánh giá):		
	- Tốt.	86	31.05
	- Bình thường.	139	50.18
	- Không tốt.	52	18.77

3. Kết quả học tập môn học GDTC và thể lực của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN

3.1. Kết quả học tập môn học GDTC của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG Hà Nội

Để đánh giá thực trạng kết quả học tập môn GDTC của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN, chúng tôi căn cứ vào

kết quả điểm thi kết thúc môn GDTC của sinh viên khoá Đại học QH-2022-S Trường Đại học Giáo dục năm học 2022 - 2023. Kết quả thu được trình bày ở bảng 7.

Qua bảng 7 cho thấy, tỷ lệ sinh viên đạt điểm khá và trung bình môn GDTC là rất cao, tỷ lệ số sinh viên đạt loại giỏi môn GDTC rất thấp, chỉ có 5.37%. Bên cạnh đó, tỷ lệ sinh viên đạt loại yếu và kém chiếm tỷ lệ 18.52%.

Bảng 6. Ý thức của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN đối với công tác GDTC (n=950)

TT	Nội dung	Kết quả phỏng vấn							
		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng điểm	% so với tối đa
		m _i	đ	m _i	đ	m _i	đ		
1	Thích học môn GDTC	234	702	310	620	406	406	1728	60.63
2	Hiểu vai trò tác dụng của GDTC	273	819	561	1032	161	161	2012	70.59
3	Tham gia học tập GDTC đầy đủ	413	1239	448	896	89	89	2224	78.03
4	Cố gắng trong học tập môn GDTC	374	1122	451	902	125	125	2149	75.40
5	Ý thức tự tập luyện	301	903	376	752	273	273	1928	67.65

Bảng 7. Thực trạng kết quả học tập môn GDTC của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN (n=950)

Kết quả khảo sát	Kết quả xếp loại học tập môn học GDTC					Tổng
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
m _i	51	205	518	120	56	950
%	5.37	21.58	54.53	12.63	5.89	100

Bảng 8. Kết quả đánh giá thể lực theo từng nội dung kiểm tra của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN (n=950)

TT	Nội dung	Nam (n = 415)		Nữ (n = 535)		Tổng (n = 950)	
		Đạt yêu cầu	%	Đạt yêu cầu	%	Đạt yêu cầu	%
1.	Lực bóp tay thuận (kG)	298	71.81	345	64.49	643	67.68
2.	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	214	51.57	233	43.55	447	47.05
3.	Bật xa tại chỗ (cm)	220	53.01	221	41.30	441	46.42
4.	Chạy 30m XPC (s)	302	72.28	269	50.28	571	60.11
5.	Chạy con thoi 4 × 10m (s)	208	50.12	192	35.89	400	42.11
6.	Chạy tùy sức 5 phút (m)	131	31.57	150	28.04	281	29.58

**Bảng 9. Xếp loại thể lực chung của sinh viên năm thứ nhất
Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN**

TT	Xếp loại thể lực	Nam (n = 415)		Nữ (n = 535)		Tổng (n = 950)	
		m _i	%	m _i	%	m _i	%
1.	Tốt	7	1.69	0	0	7	0.74
2.	Đạt	151	36.39	159	29.72	310	32.63
3.	Không đạt	257	61.92	376	70.28	633	66.63

3.2. Thực trạng thể lực của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG Hà Nội

Chúng tôi tiến hành kiểm tra thể lực của sinh viên năm thứ nhất bằng 6 test theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT. Kết quả kiểm tra được tiến hành so sánh, đối chiếu với tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực chung của học sinh, sinh viên theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ qui định để xếp loại thể lực chung của sinh viên chúng tôi sử dụng 04 test.

Kết quả được trình bày ở bảng 8 và 9.

Qua bảng 8 cho thấy, cả nam và nữ sinh viên đều có những hạn chế nhất định về các tố chất thể lực (sức nhanh, sức mạnh, sức bền, khả năng phối hợp vận động). Đối với nam tỷ lệ đạt yêu cầu ở các tố chất thể lực đạt từ 31,57% -72,28%, còn đối với nữ tỷ lệ đạt từ 28,04% -64,49%). Căn cứ vào kết quả kiểm tra thể lực và tiêu chuẩn đánh giá thể lực theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT, nghiên cứu tiến hành xếp loại thể lực chung của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN dựa trên kết quả kiểm tra của 4 test: Lực bóp tay thuận (kg); Bật xa tại chỗ (cm); Chạy con thoi 4 x 10m (s); Chạy tùy sức 5 phút (m). Kết quả được trình bày ở bảng 9.

Bảng 9 cho thấy, sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN đạt yêu cầu về thể lực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở mức đạt và tốt còn hạn chế (ở nam là 37,08 và ở nữ là 33.37%). Trong khi đó, tỷ lệ sinh viên không đạt yêu cầu về thể lực chiếm tỷ lệ cao (61,92% ở nam và 70.28% ở nữ). Điều này cho thấy, việc rèn luyện thể lực của sinh

viên nhìn chung chưa thật sự hiệu quả. Trong thời gian tới cần có những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao thể lực cho sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã đánh giá được thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác phát triển thể lực của sinh viên Trường Đại học Giáo dục - ĐHQG HN, đó là: chương trình đào tạo phong phú và linh hoạt trong quá trình giảng dạy, lực lượng giáo viên và điều kiện cơ sở vật chất đáp ứng tốt yêu cầu công tác GDTC cho sinh viên. Tuy nhiên, số sinh viên năm thứ nhất tham gia tập luyện ngoại khoá còn thấp, ý thức tự tập luyện còn chưa cao, kết quả học tập môn GDTC và thể lực của sinh viên năm thứ nhất còn hạn chế. Những thực trạng này là cơ sở khoa học quan trọng trong việc đề ra giải pháp nâng cao thể lực cho sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Giáo dục – ĐHQG HN trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008, Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.*
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.*
3. Nguyễn Xuân Sinh (1999), *Phương pháp NCKH TDTT, Giáo trình dành cho sinh viên Đại học TDTT, Nxb TDTT, Hà Nội.*

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

3. Nguyễn Thị Thu Quyết

Nhiệm vụ và giải pháp phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

BÀI BÁO KHOA HỌC

7. Nguyễn Tuấn Đăng; Vũ Tiến Thành

Giải pháp phát triển phong trào tập luyện Cầu lông ngoại khóa nâng cao thể lực cho học sinh Trường Trung học cơ sở Trang Hạ, Từ Sơn, Bắc Ninh

15. Đỗ Xuân Đoàn, Lý Đức Trường

Thực trạng công tác phát triển thể lực cho học viên quân sự Lào tại Trường sĩ quan Lục quân 1

21. Trần Quân; Nguyễn Đức Toàn

Nghiên cứu thực trạng sức mạnh tốc độ đòn tay của nam vận động viên Muay lữa tuổi 14-15 tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân

25. Sun Thea, Đậu Thị Lợi; Đỗ Thùy Giang

Nghiên cứu lựa chọn bài tập thúc đẩy quá trình hồi phục tích cực sau tập luyện cho nam vận động viên Bóng đá U13, Trung tâm đào tạo Bóng đá Quốc gia Tonle Bati, Campuchia

31. Vũ Anh Tuấn; Nguyễn Anh Tú; Lê Hoài Nam

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh tốc độ nhóm đòn đá trước cho nữ vận động viên Taekwondo lứa tuổi 12-14 tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục thể thao Hà Nội

37. Nguyễn Danh Bắc; Nguyễn Xuân Thành

Thực trạng sử dụng các kỹ thuật đánh bóng của nam vận động viên Quần vợt lứa tuổi 14 -16

41. Nguyễn Thị Thu Quyết; Phạm Tuấn Dũng; Nguyễn Tất Dũng

Thực trạng sức khỏe tâm thần của sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh theo đặc điểm giới tính

45. Nguyễn Đức Doanh; Lê Cảnh Khôi

Định hướng nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động dạy học môn Tâm lý học Thể dục thể thao tại Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

49. Phùng Hoài Nam; Nguyễn Cẩm Ninh

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác phát triển thể lực cho sinh viên Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia

57. Phạm Hữu Thật

Ứng dụng và đánh giá hiệu quả các bài tập phát triển khả năng linh hoạt cho võ sinh Vovinam lứa tuổi Trung học cơ sở tại quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

63. Nguyễn Thanh Tùng; Nguyễn Trường Giang; Nguyễn Ngọc Sơn

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên

69. Huỳnh Thị Thủy Uyên; Nguyễn Thái Huy Vũ

Động cơ và đánh giá của người tham gia hoạt động du lịch thể thao biển tại Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

74. Nguyễn Văn Ảnh; Đinh Quang Ngọc; Đinh Khánh Thu; Nguyễn Hải Bằng

Thực trạng tập luyện thể dục thể thao thường xuyên của các nhóm đối tượng người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

80. Ngô Hải Hưng

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới truyền thông thương hiệu Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh trên các kênh mạng xã hội

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

3. Nguyen Thi Thu Quyet

Tasks and solutions for developing high-performance sports and professional sports by 2030, with a vision to 2045

ARTICLES

7. Nguyen Tuan Dang; Vu Tien Thanh

Solution to develop extracurricular badminton training movement to improve physical fitness for students of Trang Ha Secondary School, Tu Son, Bac Ninh

15. Do Xuan Doan, Ly Duc Truong

Current status of physical development for Lao military students at Army Officer School 1

21. Tran Quan; Nguyen Duc Toan

Research on the current status of arm strength and speed of male Muay athletes aged 14-15 at the People's Public Security Sports Training and Competition Center

25. Sun Thea, Dau Thi Loi; Do Thuy Giang

Study on selecting exercises to promote active recovery after training for male U13 football athletes, Tonle Bati National Football Training Center, Cambodia

31. Vu Anh Tuan; Nguyen Anh Tu; Le Hoai Nam

Building standards for assessing the strength and speed of front kicks for female Taekwondo athletes aged 12-14 at the Hanoi Sports Training and Competition Center

37. Nguyen Danh Bac; Nguyen Xuan Thanh

Current status of using hitting techniques of male tennis players aged 14-16

41. Nguyen Thi Thu Quyet; Pham Tuan Dung; Nguyen Tat Dung

Mental health status of students at Bac Ninh Sport University according to gender characteristics

45. Nguyen Duc Doanh; Le Canh Khoi

Orientation of scientific research to serve teaching activities of Sports Psychology at Bac Ninh Sports University

49. Phung Hoai Nam; Nguyen Cam Ninh

Current status of factors affecting physical development of students at the University of Education - National University

57. Pham Huu That

Application and evaluation of the effectiveness of flexibility development exercises for Vovinam students of secondary school age in Lien Chieu District, Da Nang City

63. Nguyen Thanh Tung; Nguyen Truong Giang; Nguyen Ngoc Son

Current status of factors affecting extracurricular sports activities of students at Thai Nguyen University of agriculture and forestry

69. Huynh Thi Thuy Uyen; Nguyen Thai Huy Vu

A study on the motivation and evaluation of participants in marine sports tourism activities in Nhatrang city, Khanhhoa province

74. Nguyen Van Anh; Dinh Quang Ngoc; Dinh Khanh Thu; Nguyen Hai Bang

Current situation of regular physical exercise and sports practice among different population groups in bac ninh province

80. Ngo Hai Hung

Current status of factors affecting the brand communication of bac ninh sports University on social networking channels



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

p-ISSN 1859-4417
e-ISSN 3030-4822

Số 3 - 2025
(07)

